

Bản án số: 06/2019/ DS-PT

Ngày: 23-01-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội (họ)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng góp hội (họ).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975, có mặt

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện U, tỉnh K.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Tr, sinh năm 1982 và Anh Võ Văn T, sinh năm 1978, có mặt

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

- Người làm chứng: Anh Võ Văn D – sinh năm 1969, có mặt

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện U, tỉnh K.

- Người kháng cáo: Anh Võ Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu như sau: Từ năm 2015 cho đến tháng 8/2017, chị có tổ chức và làm chủ nhiều dãy hội ở địa phương, trong thời gian này vợ chồng chị Trần Thị Tr và anh Võ Văn T có tham gia nhiều chôn hội của chị, đã hốt hội và còn nợ chị số tiền hội cụ thể như sau:

- Dãy hội thứ nhất vào ngày 09/11/2015, loại hội 5.000.000đồng/tháng, hội có 22 phần (chôn hội), vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần hội và góp (đóng hội) được 05 lần thì lĩnh hội (hốt hội), sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh (đóng hội chết) được tới lần thứ 21 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc (hội mãn) thì còn nợ lại 01 lần với số tiền là 5.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 2 vào ngày 04/3/2016, loại hội 5.000.000đồng/tháng, hội có 20 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp được 06 lần thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới lần thứ 17 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 03 lần với số tiền là 15.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 3 vào ngày 25/4/2016, loại hội 10.000.000đồng/tháng, hội có 19 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp được 01 lần thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 03 lần với số tiền là 30.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 4 vào ngày 02/6/2016, loại hội 1.000.000đồng/tháng, hội có 20 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 03 phần, phần hội thứ nhất góp đến ngày 02/12/2016, phần hội thứ hai góp đến ngày 02/9/2016, phần hội thứ ba góp đến ngày 02/6/2017, 03 phần hội này sau khi lĩnh hội thì có hoàn trả lại số tiền đã lĩnh đến tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 18 lần với số tiền là 18.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 5 vào ngày 05/7/2016, loại hội 5.000.000đồng/tháng, hội có 20 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp đến ngày 05/4/2017 thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 07 lần với số tiền là 35.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 6 vào ngày 07/8/2016, loại hội 3.000.000đồng/tháng, hội có 21 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp đến ngày 07/01/2017 thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 09 lần với số tiền là 27.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 7 vào ngày 15/8/2016, loại hội 10.000.000đồng/tháng, hội có 19 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp đến ngày 15/01/2017 thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 07 lần với số tiền là 70.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 8 vào ngày 20/10/2016, loại hội 10.000.000đồng/tháng, hội có 19 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp đến ngày 20/02/2017 thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 09 lần với số tiền là 90.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 9 vào ngày 09/02/2017, loại hội 5.000.000đồng/tháng, hội có 22 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 01 phần và góp đến ngày 09/5/2017 thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả lại số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 16 lần với số tiền là 80.000.000đồng.

- Dãy hội thứ 10 vào ngày 25/02/2017, loại hội 10.000.000đồng/tháng, hội có 19 phần, vợ chồng Tr, T tham gia 02 phần, phần hội thứ nhất góp tới ngày 25/6/2017 thì lĩnh hội, sau đó hoàn trả số tiền đã lĩnh được tới tháng 8/2017 thì không trả nữa, tính đến khi hội kết thúc thì còn nợ lại 13 lần với số tiền là 130.000.000đồng, phần hội thứ hai chưa lĩnh hội nên chị H còn nợ lại số tiền đã góp là 50.000.000đồng.

Ngoài ra, trong những lần góp tiền hội thì có nhiều lần vợ chồng Tr, T góp không đầy đủ và còn nợ số tiền là 38.000.000đồng.

Tính tổng cộng số tiền hội, vợ chồng chị Tr, anh T còn nợ tới tháng 8/2017 là 538.000.000đ, sau đó hai bên tính toán lại số nợ, chị trừ số tiền chưa lĩnh hội là 50.000.000đồng, nên chị Tr, anh T còn nợ là 488.000.000đ và có làm biên nhận nợ số tiền trên.

Đến ngày 10/8/2017 thì vợ chồng chị Tr, anh T thỏa thuận chuyển nhượng cho chị 04 công đất ruộng tầm 03 mét với giá là 40 chỉ vàng 24k, quy đổi ra thành tiền là 146.400.000đồng, chị đưa tiền mặt cho vợ chồng chị Tr, anh T là 20.000.000đồng và căn trừ vào số tiền nợ là 126.400.000đ. Như vậy chị Tr, anh T còn nợ lại số tiền là 361.600.000đồng. Số tiền này, chị và chị Tr, anh T thỏa thuận trả mỗi tháng là 5.000.000đồng nhưng vợ chồng chị Tr, anh T không thực hiện, từ tháng 8/2017 đến nay chỉ trả thêm cho chị được 5.000.000đồng còn nợ lại là 356.600.000đồng.

Nay chị yêu cầu giải quyết buộc chị Trần Thị Tr và anh Võ Văn T trả cho chị số tiền còn nợ là 356.600.000đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng).

- *Bị đơn chị Trần Thị Tr trình bày:* Chị thừa nhận có tham gia các phần hội và hiện còn nợ số tiền 356.600.000đ như chị H trình bày là đúng, tuy nhiên về thời gian trả nợ theo yêu cầu của chị H thì chị không có khả năng trả, vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình chị rất khó khăn, ngoài nợ chị H ra thì còn nợ

nhiều người khác nên chị yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi hết nợ.

- Bị đơn anh Võ Văn T trình bày: Việc tham gia các phần hội là giữa chị H và chị Tr thỏa thuận với nhau, nhưng trong quá trình chị Tr chơi hội anh cũng biết, sau khi tổng lại số nợ và cách thanh toán bản thân anh cũng thống nhất và thừa nhận còn nợ lại chị Hiền số tiền là 356.600.000đồng và đồng ý trả khoản tiền này, hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên anh xin trả cho chị H mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

- Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn chị Trần Thị Tr và anh Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hội.

Buộc vợ chồng chị Trần Thị Tr và anh Võ Văn T trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền hội là 356.600.000đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/10/2018 anh Võ Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm vì anh chỉ thừa nhận có nợ tiền hội chị Nguyễn Thị H 200.000.000 đồng, nhưng anh đã trả xong cho chị H và anh D (chồng chị H), còn về việc vợ anh là chị Tr làm giấy nợ với chị H anh không biết, anh chỉ thừa nhận có mượn và còn nợ chị H 20.000.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Võ Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo vì anh chỉ thừa nhận có nợ số tiền hội là 200.000.000 đồng, nhưng sau khi cản trừ phần hội chưa lĩnh là 50.000.000 đồng và chuyển nhượng diện tích đất 5.118 m² có giá trị 150.000.000đồng để cản trừ nợ thì vợ chồng anh không còn nợ chị H. Anh chỉ thừa nhận hiện tại còn nợ số tiền vay của chị H anh D 20.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng; Chị Tr thừa nhận đã tham gia chơi hội khoảng 10 năm nay, sử dụng tiền hội vào chi phí sinh hoạt trong gia đình và dùng để góp hội lại, lâu dần nên thành nợ, thống nhất số tiền nợ như chị H yêu cầu và xin trả dần 1.000.000đ/tháng; Chị H thì cho rằng khi cản trừ đất vào số tiền nợ thì anh T có yêu cầu đưa thêm 20.000.000đ nên chị có đưa thêm, chứ không phải là số tiền cho mượn; Anh D không thừa nhận lời khai của anh T như đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm.

Phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát ph ả biểu ý kiến kết luận: Thẩm ph ả, Hội đồng xét xử phức thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị ả đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ ả đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T và tuy ờn giữ nguyên bản ả sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ẢN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ ả tại giai đoạn sơ thẩm, ph ả chị Tr ờu thừa nhận từ tháng 11/2015 đến tháng 8/2017, chị Tr có tham gia nhiều phần hội do chị Nguyễn Thị H ỏ làm chủ, tính đến tháng 8/2017 chị Tr còn nợ lại số tiền hội tổng cộng là 538.000.000 đồng, sau khi hai bên thỏa thuận cản trừ tiền nợ với nhau thì chị Tr còn nợ lại chị H số tiền là 356.600.000 đồng đúng như lời tr ờn bày và yêu cầu khởi kiện của chị H. Về ph ả anh T tr ờn bày việc tham gia hội giữa vợ anh và chị H như thế nào thì anh không rõ vì anh không trực tiếp tham gia, đến khi vợ anh không còn khả năng đóng hội thì anh mới biết và đồng ý cùng với chị Tr thỏa thuận chuyển nhượng đất ruộng để cản trừ nợ cho chị H. Đối với việc chị Tr ký biên nhận xác nhận nợ ngày 10/8/2007, anh T không cùng ký tên trong biên nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh T không có ý kiến gì về vấn đề này và đồng ý cùng chị Tr trả cho chị H số tiền hội còn nợ. Tuy anh T không trực tiếp tham gia chơi hội, nhưng số tiền nợ hội là do chị Tr sử dụng xoay sở chi tiêu trong gia đình, hơn nữa anh T cũng biết chị Tr có chơi hội và đã cùng trả nợ. Do đó, cản buộc vợ chồng anh T, chị Tr phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị H số tiền nợ hội 356.600.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét nội dung kháng cáo của anh Võ Văn T, thấy rằng: Anh T cho rằng số tiền hội vợ chồng anh nợ chị H chỉ có 200.000.000 đồng và vợ chồng anh đã thanh toán xong cho chị H, hiện tại vợ chồng anh chỉ còn nợ vợ chồng chị H tiền vay mượn là 20.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này. Xét lời khai nại này của anh T là không có căn cứ, vì không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi ph ả chị H không thừa nhận, hơn nữa tại phiên tòa hôm nay chị Tr cũng thừa nhận số tiền còn nợ chị H là 356.600.000đ, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh T. Đối với việc anh T khai còn nợ chị H tiền vay mượn là 20.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy chị H không yêu cầu giải quyết trong vụ ả này nên không xem xét.

[3] Xét yêu cầu của anh T, chị Tr xin được trả dần số nợ là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ ph ả chị H không đồng ý. Mặt khác, Bộ luật dân sự cũng không quy định về thời gian trả chậm nếu các bên đương sự không có thỏa

thuận. Về điều kiện và phương thức trả nợ như thế nào là thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án.

[4] Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng phúc thẩm thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Võ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Buộc anh T nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471, điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí tòa án.

- Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của anh Võ Văn T.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Tuy nhiên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn chị Trần Thị Tr và anh Võ Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hui (họ).

Buộc vợ chồng chị Trần Thị Tr và anh Võ Văn T trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền hui là 356.600.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Tr, anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì chị Tr, anh T còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2, Điều 468 BLDS năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án của số tiền phải thi hành án.

2. Về án phí

- Án phí sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Võ Văn T, chị Trần Thị Tr phải chịu án phí sơ thẩm là 17.830.000đ (Mười bảy triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.915.000đ (Tám triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005659 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

- Án phí phúc thẩm: Buộc anh Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0005734 ngày 25/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

